

Bản án số: 69/2021/HS-ST
Ngày 24 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang Minh.
2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh B4 Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/HSST-QĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1969; tại tỉnh B4 Thuận; Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn D1, sinh năm 1940 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1942; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án; Tiền S: Không; nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện Dầu Tiếng xử phạt hành chính với số tiền 350.000 đồng về hành vi Mua số đề được thua bằng tiền (đã chấp hành xong); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị V, sinh năm 1966; tại Campuchia; Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B1, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú hiện nay: Ấp C1, xã A1, huyện

D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm rẫy. Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1939 (đã chết). Con bà: Phạm Thị N, sinh năm 1940 (đã chết); Bị cáo có chồng: Đỗ Văn H1, sinh năm 1964 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1990; Tiền án; Tiền S: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Hữu S, sinh năm 1989; tại tỉnh Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã E1, huyện E2, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú hiện nay: Ấp 6, xã E1, huyện E2, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn M, sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Hồng C2, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ: Phạm Thị Yến Xuân, sinh năm 1991 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2011; Tiền án; Tiền S: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Minh L (tên gọi khác L), sinh năm 1989; tại tỉnh K Giang; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp L1, xã L2, huyện L3, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn L4, sinh năm 1960 (đã chết); Con bà: Đoàn Thị D1, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ: Trần Thị K, sinh năm 1993; Bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án; Tiền S: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

5. Trần Hữu L5, sinh năm 1995; tại tỉnh Cà Mau; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã E1, huyện E2, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn M, sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Hồng C1, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ: Phan Thị N (không biết năm sinh); Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2019; Tiền án; Tiền S: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

6. Hoàng Thị T, sinh năm 1972; tại tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Ngọc L6, sinh năm 1942; Con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1945; Bị cáo có chồng: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1967; Bị cáo có 04 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án; Tiền S: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 06/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư

trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn S, sinh năm 1967; tại tỉnh Thái B4; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1942 (đã chết); Con bà: Trương Thị S2, sinh năm 1945; Bị cáo có vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1972; Bị cáo có 04 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án; Tiền S: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Trần Quốc K, sinh năm 1970; tại tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Quốc L7, sinh năm 1937 (đã chết); Con bà: Lê Thị Đ1, sinh năm 1939; Bị cáo có vợ: Lâm Thị S1, sinh năm 1970 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 87/2013/HSST ngày 20/12/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 18 ngày. Bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách và án phí hình sự. Đối với hình phạt bổ sung 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp phạt vào các ngày: Ngày 04/10/2018 nộp 1.000.000 đồng, ngày 22/9/2020 nộp 1.000.000 đồng và ngày 03/11/2020 nộp 3.000.000 đồng; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/5/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Trúc L9, sinh năm 1981; tại tỉnh Hậu Giang; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp F1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Phan Văn K, sinh năm 1948 (đã chết); Con bà: Lê Thị C3, sinh năm 1947 (đã chết); Bị cáo có chồng: Hoàng Văn H2, sinh năm 1978; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án; Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 06/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Hoàng Văn H2, sinh năm 1978; tại tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp F1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Khắc H3, sinh năm 1956 (đã chết); Con bà: Lê Thị L8, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ: Phạm Trúc L9, sinh năm 1981; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án; Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Thị B2, sinh năm 1975; tại tỉnh Thái Bình; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp F1, xã A1, huyện D, tỉnh B4 Dương; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1942 (đã chết); Con bà: Trương Thị S2, sinh năm 1945; Bị cáo có chồng: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1973; bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án; Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Đào Công B3, sinh năm 1983; tại tỉnh B4 Dương; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp F1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Đào Công V, sinh năm 1957; Con bà: Đào Thị H3, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ: Nghiêm Thị N2, sinh năm 1985; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án; Tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Từ ngày 12/11/2020 cho đến nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn B4, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp C1, xã A1, huyện D, tỉnh Bình Dương (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 02/11/2020 tại nhà Nguyễn Thị V thuộc ấp C1, xã A1, huyện D, tỉnh B4 Dương Công an xã A1 bắt quả tang 11 đối tượng gồm: Nguyễn Thị V, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Văn S, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị B2, Hoàng Văn H2, Phạm Trúc L9, Đào Công B3, Phạm Minh L, Trần Hữu L5, Trần Hữu S đang tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám ăn thua bằng tiền. Hình thức đánh bài là bộ bài tây 52 lá chia làm 4 tụ, mỗi tụ 13 lá bài, mỗi người làm cái một ván xoay vòng, mỗi ván một người đặt 200.000 đồng. 13 lá bài được xếp thành 3 chi, chi đầu 3 lá bài, hai chi sau mỗi chi 5 lá bài, thứ tự các chi từ trên xuống dưới là từ nhỏ đến lớn. Mậu binh là lớn nhất nghĩa là người chơi có ba chi bài là ba cái xanh, ba cái tH2, tứ quý... sau đó đến các chi từ lớn đến nhỏ là cù lũ, tH2, xanh, xám chi, thú, dách, mậu thầu. Nếu người chơi so sánh với người làm cái người chơi có ít nhất hai chi bài lớn hơn nhà cái thì thắng và ngược lại. Khi bắt quả tang Công an thu giữ các tang vật như sau:

- Tại chiếu bạc thu giữ gồm: 03 bộ bài tây 52 (năm mươi hai) lá bài tây đã qua sử dụng, 01 tấm chiếu, Tiền Việt Nam 5.100.000 đồng.

- Thu giữ trên người các đối tượng gồm: Nguyễn Văn H2 50.000 đồng, Nguyễn Văn S 1.700.000 đồng, Đào Công B3 6.650.000 đồng, Trần Hữu S

1.400.000 đồng, Hoàng Thị T 30.000 đồng, Trần Hữu L5 6.610.000 đồng, Nguyễn Thị V 2.020.000 đồng, Nguyễn Thị B2 7.300.000 đồng, Phạm Trúc L9 160.000 đồng.

- Ngoài ra, Công an xã A1 còn thu giữ: 01 cái khăn lông màu trắng có kích thước 50 x 90 cm, 01 thảm lót chân hoa văn 40 x 60 cm.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị B2 tự nguyện giao nộp số tiền 50.000 đồng; Nguyễn Ngọc C tự nguyện giao nộp số tiền 280.000 đồng và Trần Quốc K tự nguyện giao nộp số tiền 1.180.000 đồng.

Quá trình điều tra, hành vi đánh bạc của các đối tượng được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Ngọc C: Bị cáo Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thị V chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà của V thuộc ấp C1, xã A1, huyện D, tỉnh B4 Dương. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, bị cáo rủ S, B2, T, H2, L9, B3, S, L5, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, bị cáo rủ mọi người chơi đánh bài ăn thua bằng tiền dưới hình thức binh xập xám. Tất cả đều đồng ý nên bị cáo mua 04 bộ bài tây 52 lá dùng để đánh bạc. Mọi người thỏa thuận: Khi có tụ bài Mậu Binh thì các con bạc đưa cho bị cáo số tiền 20.000 đồng tiền xâu. Đến khi bị bắt quả tang, C đã nhận số tiền 280.000 đồng tiền xâu của những người đánh bạc và dùng hết mua thức ăn cho những người này. Ngoài ra, C còn đánh bạc được thua bằng tiền giúp H2 03 ván bài (C dùng tiền của H2).

2. Đối với Đào Công B3: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, B3 cùng C, S, B2, T, H2, L9, S, L5, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức binh xập xám. B3 và mọi người đồng ý. B3 tham gia đánh bạc cùng với C, V, S, B2, T, H2, L9, S, L5, L. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc B3 mang theo số tiền 6.650.000 đồng và trong lúc đánh bạc mượn của V 1.000.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc của B3 là 7.650.000 đồng. B3 và S chung tụ với nhau. Hai người thỏa thuận mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc do S trực tiếp đánh, tiền thắng thua chia đôi. B3 và S thắng được số tiền 1.600.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang, tụ bài của B3 và S có số tiền 3.600.000 đồng.

3. Đối với Trần Hữu S: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, S cùng C, S, B2, T, H2, L9, B3, L5, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức binh xập xám. S và mọi người đồng ý. S tham gia đánh bạc cùng với C, V, S, B2, T, H2, L9, B3, L5, L. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. S mang theo số tiền 2.400.000 đồng dùng để đánh bạc. S và B3 chung một tụ và S là người trực tiếp đánh bài. Hai người thỏa thuận, mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, tiền thắng thua chia đều. B3 và S thắng số tiền

1.600.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang, tụ bài của B3 và S có số tiền 3.600.000 đồng.

4. Đối với Phạm Minh L: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, L cùng C, S, B2, T, H2, L9, S, L5, B3 đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức bình xập xám. L và mọi người đồng ý. L tham gia đánh bạc cùng với C, V, S, B2, T, H2, L9, B3, L5, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. L mang theo số tiền 1.800.000 đồng sử dụng để đánh bạc. L và L5 chung một tụ, do L là người trực tiếp đánh. Lúc đầu, L và L5 mỗi người bỏ ra số tiền 500.000 đồng, khi đánh thua hết tiền thì tiếp tục lấy tiền vào chơi tiếp. Tổng cộng L bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng và L5 đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang L và L5 thua hết số tiền 3.800.000 đồng.

5. Đối với Phạm Hữu L5: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, L5 cùng C, S, B2, T, H2, L9, S, B3, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức bình xập xám. L5 và mọi người đồng ý. L5 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bình bài xập xám cùng với C, V, S, B2, T, H2, L9, B3, L, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. L5 mang theo số tiền 8.610.000 đồng sử dụng để đánh bạc. L5 và L chung một tụ, do L là người trực tiếp đánh. Lúc đầu, L5 và L mỗi người bỏ ra số tiền 500.000 đồng, khi đánh thua hết tiền thì tiếp tục lấy tiền vào chơi tiếp. Tổng cộng L5 đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng và L bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang L5 và L thua hết số tiền 3.800.000 đồng. Công an thu giữ trên người L5 số tiền 6.610.000 đồng.

6. Đối với Hoàng Văn H2: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, H2 cùng C, S, B2, T, B3, L9, S, L5, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức bình xập xám. H2 và mọi người đồng ý. H2 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bình bài xập xám cùng với C, V, S, B2, T, L5, L9, B3, L, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. H2 mang theo số tiền 50.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Lúc đầu, H2, L9 và V chung một tụ. H2 và V thỏa thuận mỗi người bỏ ra số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. V đưa cho H2 số tiền 500.000 đồng để chung với H2 đánh bạc. H2 chưa bỏ tiền ra. Sau khi chơi được khoảng 30 ván thì H2 và V thắng được số tiền 1.000.000 đồng. V nghỉ không chơi nữa nên H2 chia cho V số tiền 500.000 đồng và đưa số tiền vốn là 500.000 đồng cho V. H2 và L9 (vợ H2) tiếp tục chơi và thua hết số tiền: 500.000 đồng. L9 mượn của V số tiền 800.000 đồng để cho H2 tiếp tục đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang thu giữ trên người H2 số tiền 50.000 đồng.

7. Đối với Nguyễn Thị V: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, V cùng H2, C, S, B2, T, B3, L9, S, L5, L cùng uống rượu tại nhà V. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức bình xập xám. V và mọi người đồng ý. V tham gia đánh bạc được thua

bằng tiền dưới hình thức binh bài xập xám cùng với C, H2, S, B2, T, L5, L9, B3, L, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. V mang số tiền 3.320.000 đồng sử dụng để đánh bạc. V chung tụ với H2, L9. V và H2 thỏa thuận mỗi người bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc. V đưa cho H2 số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. H2 chơi được khoảng 30 ván thì thắng được số tiền 1.000.000 đồng thì V nghỉ nên H2 đưa cho V số tiền 500.000 đồng và tiền vốn 500.000 đồng. Sau đó, V đưa cho L9 là vợ của H2 mượn số tiền 800.000 đồng để cho H2 tiếp tục đánh bạc và cho B3 mượn số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang thu trên người của V số tiền 2.020.000 đồng.

8. Đối với Phạm Trúc L9: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, L9 cùng C, H2, S, B2, T, B3, S, L5, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức binh xập xám. L9 và mọi người đồng ý. L9 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức binh bài xập xám cùng với C, H2, V, S, B2, T, L5, L9, B3, L, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. L9 mang theo số tiền 960.000 đồng để đánh bạc. L9 chung tụ với H2, V do H2 là người trực tiếp đánh. L9 là người cầm tiền và đưa tiền cho H2 đánh bài. H2 chơi được khoảng 30 ván thì thắng được số tiền 1.000.000 đồng thì V nghỉ nên H2 đưa cho V số tiền 500.000 đồng và tiền vốn 500.000 đồng. Sau đó, V đưa cho L9 mượn số tiền 800.000 đồng để cho H2 tiếp tục đánh bạc. L9 đưa tiền xâu cho C số tiền 20.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, L9 bị thu giữ trên người số tiền 160.000 đồng.

9. Đối với Nguyễn Văn S: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, S cùng C, H2, B2, T, B3, L9, S, L5, L đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức binh xập xám. S và mọi người đồng ý. S tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức binh bài xập xám cùng với C, H2, V, S, B2, T, L5, L9, B3, L, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. S mang theo số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc. S cùng T, B2 chung một tụ. S là người trực tiếp đánh. T có giúp S chia bài. B2 hùn 50.000 đồng với S để đánh bạc nhưng do tụ của S và T đang thắng nên B2 chưa đưa tiền cho S. B2 tham gia bốc bài khoảng 04 ván. Tụ của S thắng số tiền 300.000 đồng. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ trên người S số tiền 1.700.000 đồng. S đưa tiền xâu cho C từ 04 đến 05 lần mỗi lần 20.000 đồng.

10. Đối với Nguyễn Thị B2: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, B2 qua nhà V chơi. Khi tới nơi thấy nhiều người đang tham gia đánh bạc, nên B2 có tham gia hùn tiền vào tụ của S và T (S là anh trai của B2) 50.000 đồng do S trực tiếp đánh. Được khoảng 03 đến 04 ván, chưa rõ thắng thua nên B2 chưa đưa tiền cho S. Khi đến nhà V, B2 mang theo số tiền 7.300.000 đồng và sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ trên người B2 số tiền 7.300.000 đồng.

11. Đối với Hoàng Thị T: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, T cùng C, H2, S, B2, T, B3, S, L5, L, L9 đến nhà V để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, C rủ mọi người chơi đánh bài được thua bằng tiền dưới hình thức bình xập xám. T và mọi người đồng ý. T tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bình bài xập xám cùng với C, H2, V, S, B2, T, L5, L9, B3, L, S. Mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. T cùng với S, B2 chung một tụ. T chia bài giúp S. Khi bị bắt quả tang Công an thu giữ trên người T 30.000 đồng không dùng vào mục đích đánh bạc.

12. Đối với Trần Quốc K: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, K đi ngang qua nhà V thấy đông người đang đánh bạc nên ghé vào chơi. Nguyễn Văn B4 rủ K cược bên ngoài sòng bạc cùng với B4. K chọn tụ của B3 đánh cược với B4 (B4 chọn tụ S). Chơi được khoảng 10 ván K thắng được số tiền 1.000.000 đồng nhưng do B4 chỉ có 780.000 đồng nên K chỉ lấy của B4 780.000 đồng thì nghỉ đi về. Khi tham gia đánh bạc K mang theo số tiền 400.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

13. Đối với Nguyễn Văn B4: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02 tháng 11 năm 2020, B4 đi ngang qua nhà V thấy đông người đang đánh bạc nên ghé vào chơi. B4 rủ K cược bên ngoài sòng bạc cùng với B4. B4 chọn tụ của S, K chọn tụ của B3 đánh cược với B4. Chơi được khoảng 10 ván B4 thua số tiền 780.000 đồng thì nghỉ đi về. Khi tham gia đánh bạc K mang theo số tiền 780.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKSĐT ngày 05/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc C về tội “tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình S; truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Đào Công B3, Nguyễn Thị B2, Hoàng Văn H2, Trần Hữu L5, Phạm Trúc L9, Phạm Minh L, Nguyễn Văn S, Trần Hữu S, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị V, Trần Quốc K về tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38 Bộ luật Hình S, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) tháng tù về tội “tổ chức đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình S, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù về tội “đánh bạc”.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 35; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình S, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn H2 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình S, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quốc K từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng.

4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình S, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hữu L5 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng.

5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xử phạt bị cáo Đào Công B3 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng.

6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị V từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Trần Hữu S từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Phạm Minh L từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn S từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Phạm Trúc L9 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị B2 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

- Hoàng Thị T từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 16 tháng về tội “đánh bạc”. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình S, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình S, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây 52 (năm mươi hai) đã qua sử dụng; 01 tấm chiếu; 06 cái khăn lông màu trắng có kích thước 50 x 90 cm và 01 thảm lót chân hoa văn 40 x 60 cm.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 23.690.000 đồng (thu tại chiếu bạc và thu trên người của các bị cáo tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc) và 1.510.000 đồng các bị cáo tự nguyện giao nộp (trong đó bị cáo B2 nộp 50.000 đồng; bị cáo C nộp 280.000 đồng; bị cáo K nộp 1.180.000 đồng).

Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị T 30.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thị B2 7.300.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn B4 có hành vi tham gia đánh bạc cùng với Trần Quốc K (mượn tụ để đặt cược bên ngoài) với số tiền sử dụng đánh bạc là 1.180.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Vì vậy, ngày 12/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Văn B4.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình S về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố

tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên có đủ cơ sở kết L: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02/11/2020, tại nhà Nguyễn Thị V thuộc ấp C1, xã A1, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương: Nguyễn Ngọc C, Hoàng Văn H2, Đào Công B3, Nguyễn Thị B2, Trần Hữu L5, Phạm Trúc L9, Phạm Minh L, Nguyễn Văn S, Trần Hữu S, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị V tham gia đánh bạc dưới hình thức binh xập xám ăn thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 23.740.000 đồng. Nguyễn Ngọc C có hành vi rủ rê các con bạc đánh bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện, địa điểm để đánh bạc, nhận tiền xâu của các con bạc và đánh bạc giúp cho Hoàng Văn H2. Trần Quốc K có hành vi tham gia đánh bạc với Nguyễn Văn B4 (mượn tụ để đặt cược bên ngoài), số tiền sử dụng đánh bạc là 1.180.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc nhưng K đã bị kết án về hành vi đánh bạc chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên hành vi của Trần Quốc K phạm vào tội đánh bạc.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự xã hội do nhà nước quản lý, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, mà còn là nguyên nhân kéo theo các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc thắng thua bằng tiền trái phép dưới mọi hình thức bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì động cơ tư lợi cho bản thân. Các bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới hình thức binh xập xám thắng thua bằng tiền. Thời điểm bị bắt, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc trái phép của các bị cáo là 23.740.000 đồng. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Ngọc C chuẩn bị phương tiện phạm tội là 04 bộ bài tây cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền để hưởng tiền xâu là 280.000 đồng, như vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình S. Các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Hoàng Văn H2, Trần Quốc K, Đào Công B3, Nguyễn Thị B2, Trần Hữu L5, Phạm Trúc L9, Phạm Minh L, Nguyễn Văn S, Trần Hữu S, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị V trực tiếp tham gia đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 23.740.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình S. Như vậy, Cáo trạng số 59/CT-VKSDT ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Bản L tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh B4 Dương đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, không có sự bàn bạc trước. Hội đồng xét xử phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

[4.1] *Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C:* Bị cáo C là người có vai trò cầm đầu, lôi kéo các bị cáo khác vào con đường phạm tội. Bị cáo C vừa tổ chức đánh bạc

và đánh bạc giúp cho bị cáo Hoàng Văn H2 và tự bỏ tiền ra mua bài và rủ rê các con bạc cùng tham gia đánh bạc. Bị cáo C là người trực tiếp thu tiền xâu từ những người đánh bạc. Như vậy, vai trò và tính chất hành vi của bị cáo C trong vụ án này là nặng nhất so với các bị cáo khác. Bị cáo C thu lợi bất chính tổng số tiền là 280.000 đồng. Các bị cáo khác tham gia đánh bạc với các số tiền khác nhau, cụ thể:

[4.2] *Đối với bị cáo Đào Công B3*: Bị cáo B3 mang theo số tiền 6.650.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo B3 và bị cáo S H2 với nhau mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo B3 và bị cáo S thắng được số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo B3 dùng để đánh bạc là 6.650.000 đồng.

[4.3] *Đối với bị cáo Trần Hữu S*: Bị cáo S mang theo số tiền 2.400.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo S và bị cáo B3 H2 với nhau mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo S và bị cáo B3 thắng được số tiền 1.600.000 đồng. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo S mang theo dùng để đánh bạc là 2.400.000 đồng.

[4.4] *Đối với bị cáo Phạm Hữu L5*: Bị cáo L5 mang theo số tiền 8.610.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo L5 và bị cáo L H2 với nhau, bị cáo L5 bỏ ra số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo L bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo L5 và bị cáo L thua hết số tiền 3.800.000 đồng. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo L5 dùng để đánh bạc là 8.610.000 đồng.

[4.5] *Đối với bị cáo Phạm Minh L*: Bị cáo L mang theo số tiền 1.800.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo L và bị cáo L5 H2 với nhau, bị cáo L bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng, bị cáo L5 bỏ ra số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo L và bị cáo L5 thua hết số tiền 3.800.000 đồng.

[4.6] *Đối với bị cáo Hoàng Văn H2*: Bị cáo H2 mang theo số tiền 50.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Thu lợi bất chính của bị cáo H2 số tiền 50.000 đồng.

[4.7] *Đối với bị cáo Nguyễn Thị V*: Bị cáo mang theo số tiền 2.020.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 2.020.000 đồng.

[4.8] *Đối với bị cáo Phạm Trúc L9*: Bị cáo L9 mang theo số tiền 160.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo L9 dùng để đánh bạc là 160.000 đồng.

[4.9] *Đối với bị cáo Nguyễn Văn S*: Bị cáo S mang theo số tiền 1.700.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo S dùng để đánh bạc là 1.700.000 đồng.

[4.10] *Đối với bị cáo Nguyễn Thị B2*: Bị cáo B2 mang theo số tiền 7.300.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 50.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo B2 dùng để đánh bạc là 50.000 đồng.

[4.11] *Đối với bị cáo Hoàng Thị T:* Bị cáo T mang theo số tiền 30.000 đồng nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo chỉ chia bài giúp bị cáo S để đánh bạc.

[4.12] *Đối với bị cáo Trần Quốc K:* Bị cáo mang theo số tiền 400.000 đồng để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy xác nhận số tiền bị cáo K dùng để đánh bạc là 400.000 đồng.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: Tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Thị V, Trần Hữu S, Phạm Minh L, Trần Hữu L5, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn S, Phạm Trúc L9, Nguyễn Thị B2, Đào Công B3 được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình Sự. Bị cáo Đào Công B3 có cha là ông Đào Công V là người có công với cách mạng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình S. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S. Bị cáo Trần Quốc K có 01 tiền án về tội “đánh bạc” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên hành vi của bị cáo Trần Quốc K phạm vào tội đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Hoàng Văn H2 có nhân thân xấu: Bị cáo C bị Công an huyện Dầu Tiếng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua số đề bị xử phạt số tiền 350.000 đồng vào năm 2011; bị cáo H2 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xử phạt số tiền 5.000.000 đồng về tội “đánh bạc” theo Bản án số 87/2013/HSST ngày 20/12/2013.

[6] Sau khi xem xét đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, các tình tiết tang nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S, nhân thân của các bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Ngọc C có vai trò đầu vụ, có nhân thân xấu, phạm nhiều tội nên cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù với mức hình phạt nặng hơn các bị cáo còn lại về cả hai hành vi, đồng thời căn cứ Điều 55 Bộ luật hình S tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo Nguyễn Ngọc C.

Bị cáo Hoàng Văn H2 có nhân thân xấu, biết hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tích cực tham gia, cho thấy sự xem thường pháp luật của bị cáo nên cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội.

Bị cáo Trần Quốc K có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên cần phải xử phạt hình phạt tù để đảm bảo tính răn đe.

Các bị cáo Đào Công B3, Nguyễn Thị B2, Trần Hữu L5, Phạm Trúc L9, Phạm Minh L, Nguyễn Văn S, Trần Hữu S, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị V phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Từ những phân tích trên xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần áp dụng hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội,

mà xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[7] Vụ án có nhiều bị cáo tham gia, tổng số tiền tham gia đánh bạc lớn nên cần thiết phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) bộ bài tây 52 (năm mươi hai) đã qua sử dụng; 01 tấm chiếu; 06 (sáu) cái khăn lông màu trắng có kích thước 50 x 90 cm và 01 (một) thảm lót chân hoa văn 40 x 60 cm.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 23.690.000 đồng (thu tại chiếu bạc và thu trên người của các bị cáo tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc) và 1.510.000 đồng các bị cáo tự nguyện giao nộp (trong đó bị cáo B2 nộp 50.000 đồng; bị cáo C nộp 280.000 đồng; bị cáo K nộp 1.180.000 đồng).

Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị T 30.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thị B2 7.300.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn B4 có hành vi tham gia đánh bạc cùng với Trần Quốc K (mượn tụ để đặt cược bên ngoài) với số tiền sử dụng đánh bạc là 1.180.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc nên không xử lý đối với hành vi của B4;

[9] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc K, Viện kiểm sát đề nghị cho hưởng án treo là không đảm bảo tính răn đe trong công tác phòng chống tội phạm tại địa phương, hơn nữa bị cáo K có 01 tiền án về tội “đánh bạc” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình Sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình Sự;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Đánh bạc” và “ Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 08 (tám) tháng tù về tội đánh bạc; 01 (một) năm tù về tội tổ chức đánh bạc. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với tội tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai tội trên, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C phải chấp hành hình phạt chính chung là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình Sự;

2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H2 07 (bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến ngày 12/11/2020. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình Sự;

3. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc K 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 38, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

4. Tuyên bố bị cáo Đào Công B3 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đào Công B3 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

5. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V, Trần Hữu S, Phạm Minh L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị B2, Phạm Trúc L9, Hoàng Thị T, Phạm Hữu L5 phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu S 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung

bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh L 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B2 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu L5 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Phạm Trúc L9 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị B2, Phạm Trúc L9, Hoàng Thị Tvà Đào Công B3 về Ủy ban nhân dân xã A1, huyện D, tỉnh B4 Dương giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Giao các bị cáo Trần Hữu S, Trần Hữu L5 về Ủy ban nhân dân xã E1, huyện E2, tỉnh Cà Mau giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Giao bị cáo Phạm Minh L về Ủy ban nhân dân xã L2, huyện L3, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại

Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình S, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 03 (ba) bộ bài tây 52 (năm mươi hai) lá đã qua sử dụng; 01 (một) tấm chiếu; 06 (sáu) khăn lông màu trắng có kích thước 50 x 90 cm; 01 (một) thảm lót chân hoa văn 40 x 60 cm.

- Sung quỹ nhà nước đối với số tiền: 23.690.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) (thu tại chiếu bạc và thu trên người của các bị cáo tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc) và 1.510.000 đồng (một triệu năm trăm mười nghìn đồng) các bị cáo tự nguyện giao nộp.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị T số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị B2 số tiền 7.300.000 đồng (bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên số tiền của bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Nguyễn Thị B2 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/07/2021; biên lai thu tiền số AA/2016/0001398 ngày 30/7/2021 và biên lai thu tiền số AA/2016/0001454 ngày 21/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng).

7. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc C, Đào Công B3, Nguyễn Thị B2, Hoàng Văn H2, Trần Quốc K, Trần Hữu L5, Phạm Trúc L9, Phạm Minh L, Nguyễn Văn S, Trần Hữu S, Hoàng Thị T, Nguyễn Thị V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B4 Dương;
- VKSND tỉnh B4 Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- PV 27 - Công an tỉnh B4 Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh B4 Dương;
- UBND xã A1, huyện D, tỉnh B4 Dương;
- UBND xã E1, huyện E2, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã L2, huyện L3, tỉnh K Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quãng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Quang Minh Bùi Thanh Hải

Nguyễn Thanh Quãng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B4 Dương;
- VKSND tỉnh B4 Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- PV 27 - Công an tỉnh B4 Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh B4 Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Hiển

Nguyễn Ngọc Hiếu

Nguyễn Văn Tiến

